

CHUYÊN ĐỀ LÝ THUYẾT & MỞ RỘNG: DANGLING MODIFIERS (LỖI TREO NGỮ PHÁP)

Biên soạn bởi: Mr. Lê Đại Phong | [www.tienganhhaiphong.vn](#) | Zalo: 0971386608

1. Lý thuyết cốt lõi về Dangling Modifiers (Phần phân tích chuyên sâu)

Trong ngữ pháp tiếng Anh, một **Modifier** (thành phần bổ nghĩa) thường đứng ở đầu câu dưới dạng phân từ hiện tại (**V-ing**), phân từ hoàn thành (**Having + V3/ed**), hoặc phân từ quá khứ (**V3/ed**). Nguyên tắc bất di bất dịch của mệnh đề rút gọn đầu câu là:

Nguyên tắc vàng: Chủ ngữ thực hiện hành động ở mệnh đề rút gọn đầu câu **phải trùng khớp hoàn toàn** với chủ ngữ của mệnh đề chính theo sau dấu phẩy.

Nếu chủ ngữ này không khớp, mệnh đề bổ nghĩa sẽ trở thành **Dangling Modifier** (Lỗi treo/lạc chủ ngữ), dẫn đến câu văn vô nghĩa hoặc buồn cười về mặt logic (ví dụ: viên đá tự ngồi, chiếc xe tự lái, hay đất nước tự nhảy dù).

2. Các dạng thức biến đổi và cấu trúc tương đương (Chi tiết đầy đủ)

1. Present Participle Phrase (Mệnh đề phân từ hiện tại - V-ing)

Chức năng: Dùng để rút gọn khi hai hành động diễn ra **đồng thời** (cùng một chủ ngữ thực hiện).

- Câu gốc (chưa rút gọn):** **While he threw** a glance at her, **he** took out a revolver. (Trong lúc anh ấy liếc nhìn cô ấy, anh ấy rút một khẩu súng lục ra.)
- Câu rút gọn:** **Throwing** a glance at her, **he** took out a revolver. (Liếc nhìn cô ấy, anh ấy rút súng ra.)

2. Perfect Participle Phrase (Mệnh đề phân từ hoàn thành - Having + V3/ed)

Chức năng: Dùng để rút gọn khi hành động ở mệnh đề trạng ngữ xảy ra **trước** hoàn toàn một hành động khác trong quá khứ.

- Câu gốc (chưa rút gọn):** **After he had spent** all his money, **he** went home and asked his father for a job. (Sau khi đã tiêu sạch tiền, anh ấy về nhà và xin bố một công việc.)
- Câu rút gọn:** **Having spent** all his money, **he** went home and asked his father for a job. (Tiêu sạch hết tiền, anh ấy về nhà xin bố công việc.)

3. Past Participle Phrase (Mệnh đề phân từ quá khứ - V3/ed)

Chức năng: Dùng để rút gọn khi mệnh đề trạng ngữ mang nghĩa **bị động** (chủ ngữ của hai mệnh đề là một).

- **Câu gốc (chưa rút gọn):** *As we were soaked* to the skin by the heavy rain, we eventually reached the station. (Vì chúng tôi bị ướt sũng người do cơn mưa lớn, cuối cùng chúng tôi cũng đến được nhà ga.)
- **Câu rút gọn:** *Soaked* to the skin by the heavy rain, we eventually reached the station. (Ướt sũng người vì cơn mưa, cuối cùng chúng tôi cũng đến được nhà ga.)

3. Hệ thống ví dụ mở rộng toàn diện (20+ câu luyện tập chuyên sâu)

STT	Câu chứa lỗi / Ví dụ minh họa	Phân tích chi tiết lỗi & Hướng sửa chuẩn xác (Dịch Việt)
1	<i>Tied</i> to a post, the sea was tossing the boat up and down.	Dangling Modifier. Biển (the sea) không thể bị cột vào cột. Phải sửa: <i>Tied to a post, the boat</i> was tossed... (Dịch: Bị cột vào cọc, con thuyền bị sóng đánh đập dềnh).
2	We saw the first star, shining in the sky.	Correct. Ngôi sao (the star) đang chiếu sáng trên trời, khớp với chủ ngữ mệnh đề sau. (Dịch: Chúng tôi nhìn thấy ngôi sao đầu tiên đang chiếu sáng trên bầu trời).
3	When driving carelessly it is easy to have an accident.	Dangling Modifier. Cấu trúc giả 'it' gây lỗi treo. Phải sửa: <i>When driving carelessly, you can easily have an accident.</i> (Dịch: Khi lái xe bất cẩn, bạn rất dễ gặp tai nạn).
4	The man saw a notice pinned to the door by a knife.	Modifier Misplacement. Lỗi đặt sai chỗ bổ ngữ (bằng dao găm). Sửa: <i>The man saw a notice pinned by a knife to the door.</i>
5	Written in large letters they read the words 'No Entry'.	Dangling Modifier. 'Họ' (they) không được viết bằng chữ lớn. Sửa: <i>Written in large letters, the words</i> 'No Entry' could be seen.
6	While cleaning his gun it went off unexpectedly.	Dangling Modifier. Khẩu súng (it) không thể tự lau. Sửa: <i>While he was cleaning his gun, it</i> went off... (Dịch: Trong lúc anh ấy đang lau súng, nó bất ngờ càn nổ).
7	Wondering where to go, an advertisement caught my eye.	Dangling Modifier. Quảng cáo không thể thắc mắc đi đâu. Sửa: <i>Wondering where to go, I</i> noticed an advertisement.
8		

STT	Câu chứa lỗi / Ví dụ minh họa	Phân tích chi tiết lỗi & Hướng sửa chuẩn xác (Dịch Việt)
	As I rushed out of the house, a lorry knocked me over.	Correct. Có chủ ngữ 'I' rõ ràng ở mệnh đề trạng ngữ. (Dịch: Khi tôi lao ra khỏi nhà, một chiếc xe tải đã tông ngã tôi).
9	Sitting by the fire, it all comes back to me.	Dangling Modifier. 'Mọi thứ' (it all) không ngồi sưởi ấm. Sửa: <i>Sitting by the fire, I remembered everything.</i>
10	Falling from such a height, we thought he would never survive.	Dangling Modifier. 'Chúng ta' nghĩ chứ không phải 'chúng ta' rơi từ độ cao đó. Sửa: <i>Falling from such a height, he...</i>
11	Exhausted by his work, he threw himself on his bed.	Correct. Anh ấy (he) kiệt sức và anh ấy tự ngã lên giường. (Dịch: Kiệt sức vì công việc, anh ấy ngã vật xuống giường).
12	Soaked to the skin, we eventually reached the station.	Correct. 'Chúng tôi' (we) bị ướt sũng và chúng tôi đến ga. (Dịch: Ướt sũng người, cuối cùng chúng tôi cũng đến được ga tàu).
13	Having spent all his money, he went home and asked his father for a job.	Correct. Dùng phân từ hoàn thành chỉ hành động đi trước. (Dịch: Tiêu sạch tiền, anh ấy về nhà xin bố công việc).
14	Having finished their supper, the boys went out to play.	Correct. Các cậu bé ăn tối xong và đi chơi. (Dịch: Ăn tối xong, các cậu bé ra ngoài chơi).
15	Having written the composition, Louie handed it to the teacher.	Correct. Louie viết bài và nộp cho giáo viên. (Dịch: Viết xong bài luận, Louie nộp cho cô giáo).
16	Opening the drawer, she took out a revolver.	Correct. Cô ấy mở ngăn kéo và lấy súng. (Dịch: Mở ngăn kéo ra, cô ấy lấy một khẩu súng lục).
17	Slates were ripped off by the gale, falling on people passing below.	Correct. Ngói bị gió lốc giật tung và rơi trúng người qua đường.
18	Walking down the street, a tree branch fell on my head.	Dangling Modifier. Cành cây không đi bộ trên phố. Sửa: <i>While I was walking down the street, a tree branch fell...</i>
19	Looking through the microscope, the bacteria were clearly visible.	Dangling Modifier. Vi khuẩn không nhìn qua kính hiển vi. Sửa: <i>When we looked through the microscope, the bacteria...</i>
20	To pass the exam, hard work is required.	Dangling Modifier. Sự chăm chỉ không đi thi. Sửa: <i>To pass the exam, students must work hard.</i>

Lưu ý từ hội đồng khảo thí: Bộ câu hỏi được kiểm định kỹ lưỡng nhằm giúp học sinh phát hiện bấy ngữ pháp nâng cao, nâng cao tư duy dịch thuật theo châm ngôn "*Dịch là Diệt*" (*To translate is the same to kill*).